

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài/Noibai Catering Services Joint Stock Company (tên viết tắt: NCS).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101509403.
- Vốn điều lệ: 179.490.980.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 179.490.980.000 VND.
- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 0243 884 0289.
- Số fax: 0243 884 0199.
- Website: noibaicatering.com.vn
- Mã cổ phiếu: NCS

Quá trình hình thành và phát triển

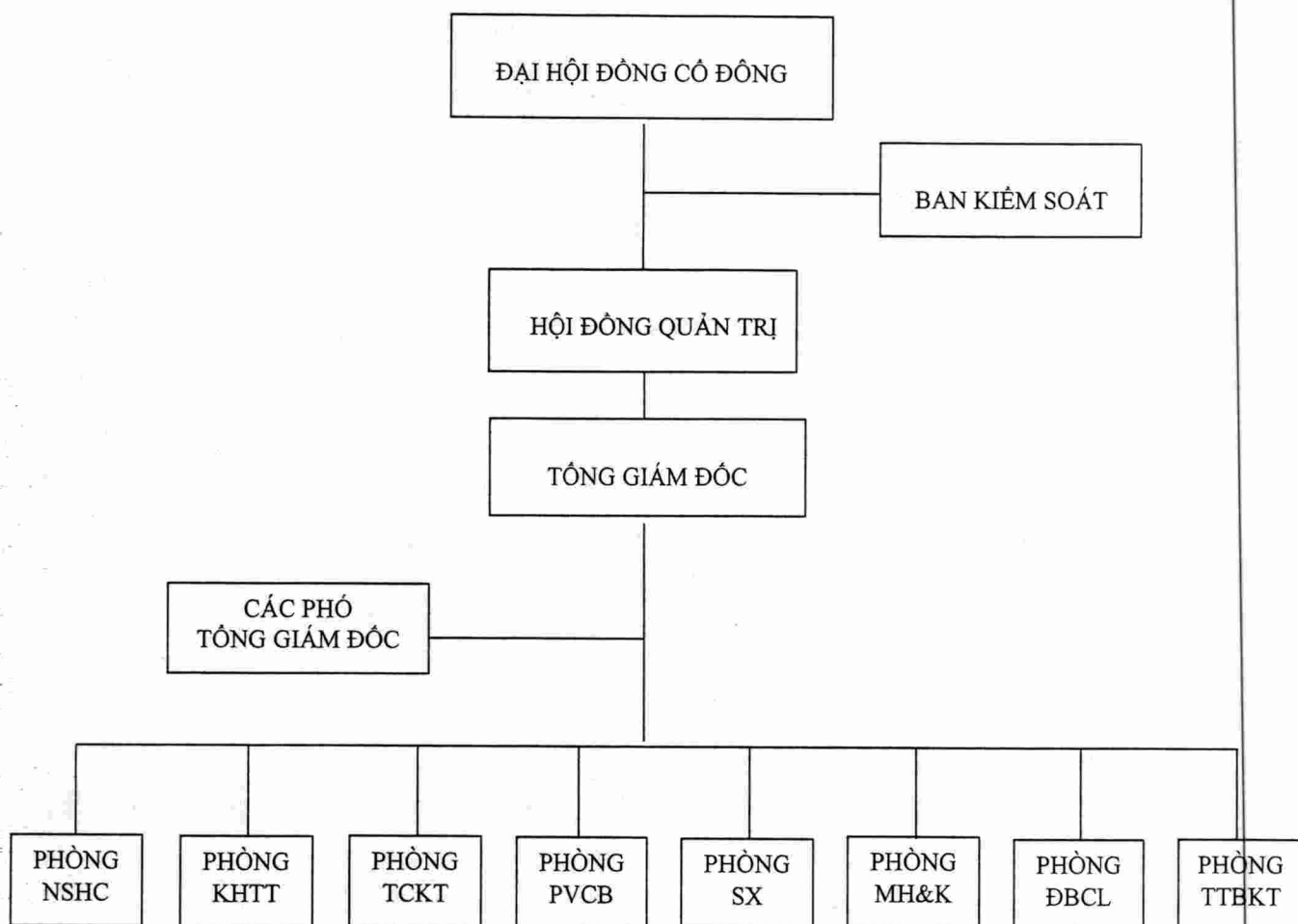
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xi nghiệp sản xuất chế biến suất ăn Nội Bài theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ Giao thông vận tải.
- Công ty thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam năm 2010, bổ sung năm 2015 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD và số 134/2010/GCNCP-VSD-1 với tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài; mã chứng khoán: NCS. Công ty được cấp đổi lần thứ ba Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán ngày 27/11/2017.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Chế biến suất ăn phục vụ hành khách của các hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ.
- Địa bàn kinh doanh: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị, Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: trở thành Công ty đứng đầu khu vực về chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng: đảm bảo vệ sinh môi trường nơi làm việc; tổ chức, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện; thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện tiết kiệm phòng chống lãng phí.

5. Các rủi ro:

Suy giảm và bất ổn của tình hình kinh tế thế giới ảnh hưởng không nhỏ tới kinh tế Việt Nam nói chung và ngành hàng không nói riêng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Sản lượng chuyên bay: Phục vụ 43.598 chuyến, bằng 98,2% kế hoạch năm, bằng 76,1% so với năm 2018.

- Sản lượng suất ăn: Cung ứng 8.004.565 suất, bằng 97,2% kế hoạch và bằng 99,8% so với năm 2018.

- Doanh thu thuần: 653,389 tỷ đồng, đạt 101,3% kế hoạch, tăng 2,3% so với năm 2018.

- Tổng chi phí: 610,256 tỷ đồng, bằng 100,7% kế hoạch, tăng 5,1% so với năm 2018.

- Lợi nhuận: 43,132 tỷ đồng, đạt 111,9% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Số CP có quyền biểu quyết
1.	Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân chính trị	0
2.	Bà Vương Thị Phúc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế	0
3.	Ông Trần Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch thị trường	Thạc sỹ tài chính ứng dụng, Cử nhân thương mại	0
4.	Ông Võ Đức Hiếu	Kế toán trưởng kiêm TP Tài chính Kế toán	Cử nhân kinh tế	0
5.	Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Trưởng phòng Phục vụ chuyến bay	Cử nhân kinh tế; Kỹ sư Quản lý đất đai	0
6.	Bà Đặng Thị Tân Hợi	Trưởng phòng Sản xuất	Cử nhân kinh tế	0
7.	Bà Vũ Thị Hồng Hạnh	PTP phụ trách Phòng Đảm bảo chất lượng	Kỹ sư công nghệ thực phẩm	0
8.	Ông Trần Quang Đoài	PTP phụ trách Phòng Trang thiết bị Kỹ thuật	Kỹ sư kinh tế vận tải ô tô	0
9.	Bà Nguyễn Quỳnh Hương	PTP phụ trách Phòng Mua hàng và Kho	Cử nhân kinh tế	0
10.	Bà Nguyễn Tú Anh	PTP phụ trách Phòng Nhân sự Hành chính	Cử nhân kinh tế	0

- Những thay đổi trong Ban điều hành: bổ nhiệm Ông Trần Quốc Hùng vào chức danh Phó Tổng Giám đốc từ ngày 07/3/2019.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 686 người. Công ty đã thực hiện chủ trương tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, và đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động của các tổ chức xã hội khác, đảm bảo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Công ty đã thực hiện và hoàn thành đầu tư Dự án “Xây dựng cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài” và “Các hạng mục đầu tư trang thiết bị năm 2019”.

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	608.666.616.697	678.539.749.734	-10%
Doanh thu thuần	647.358.834.189	633.848.947.348	2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41.709.687.966	56.652.456.801	-26%
Lợi nhuận khác	1.423.060.227	1.435.306.381	-1%
Lợi nhuận trước thuế	43.132.748.193	58.087.763.182	-26%
Lợi nhuận sau thuế	33.558.761.943	46.368.354.546	-28%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.667	2.308	-28%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	2019	2018
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	1,25	0,94
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - HTK)/Nợ ngắn hạn	1,16	0,90
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	63,7%	66,1%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,76	1,95
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	53,44	54,56
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,06	0,93
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,2%	7,3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,2%	20,1%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,5%	6,8%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,4%	8,9%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Số lượng cổ phiếu: 17.949.098 trong đó:
- Cổ phiếu đang lưu hành: 17.948.210 (cổ phiếu).
- Cổ phiếu quỹ: 888 (cổ phiếu).

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Tiêu chí phân chia	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	10.800.607	60,17
		Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	1.800.100	10,03
2	Cổ đông nhỏ	Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam	306.015	1,70
		Các cổ đông khác	5.041.488	28,09
		Cổ phiếu quỹ	888	0,01
3	Hình thức tổ chức	Cổ đông là tổ chức (số lượng 14)	13.307.916	74,14
		Cổ đông là cá nhân (số lượng 514)	4.641.182	25,86
4	Quốc tịch	Cổ đông trong nước (số lượng 500)	17.642.605	98,30
		Cổ đông nước ngoài (số lượng 28)	305.605	1,70

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

e) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: điện và máy phát điện.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước Tổng công ty Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài khoảng 105.000 m³/năm.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, các chế độ hiện hành theo qui định của Nhà nước được thực hiện đầy đủ, chi trả tiền lương, tiền thưởng đúng hạn. Các chế độ liên quan đến người lao động như: bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thân thể, đặc biệt là bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động được Công ty quan tâm thực hiện. Môi trường và các điều kiện làm việc được cải thiện và đảm bảo an toàn.

Thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, các chế độ trợ cấp cho người lao động đảm bảo đúng quy định về pháp luật lao động của Nhà nước và quy chế của Công ty.

Thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động; tổ chức tham quan du lịch cho người lao động đạt thành tích xuất sắc trong công tác trong và ngoài nước, tổ chức nghỉ dưỡng cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Thuận lợi:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tăng trưởng đáng kể, một số hãng tăng chuyến bay hoặc tần suất bay.
- Cơ sở mới được đưa vào khai thác từ năm 2018, dần đi vào ổn định.

b) Khó khăn

- Lạm phát bình quân năm 2019 tăng 2,01% so với cùng kỳ.
- Do nắm bắt tình hình thị trường và chủ động ngay từ đầu năm. Công ty đã tích cực triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD được giao.

c) Giải pháp

Công ty đã tích cực triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019 nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp tục tìm kiếm thị trường để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong đó tập trung vào một số giải pháp như sau:

- Triển khai chương trình hành động tiết kiệm chi phí.
- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt dựa trên dự báo.
- Thường xuyên bám sát, theo dõi sát sao biến động giá cả của thị trường để kiểm soát chi phí đầu vào.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.336.339.495	201.464.525.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.064.114.071	39.522.950.825
1. Tiền	111		6.064.114.071	39.522.950.825
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		60.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	60.000.000.000	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.261.714.595	111.177.646.915
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	65.997.968.013	67.776.866.391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	73.107.663	43.921.135.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.394.323.72	683.329.677
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	10.814.217.757	9.850.056.594
1. Hàng tồn kho	141		10.14.217.757	9.850.056.594
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.196.293.072	10.913.871.605
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	1.018.309.092	300.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	7.177.983.980	10.613.871.605
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		457.330.277.202	477.075.223.795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.723.600.000	1.723.600.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.723.600.000	1.723.600.000
II. Tài sản cố định	220		442.841.728.369	458.443.141.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	441.473.380.248	456.616.157.268
Nguyên giá	222		556.827.808.621	574.868.205.140
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.354.428.373)	(118.252.047.872)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.368.348.121	1.826.984.485
Nguyên giá	228		4.998.381.818	5.103.221.818
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.630.033.697)	(3.276.237.333)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.887.551.613	1.418.181.817
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	1.887.551.613	1.418.181.817
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.877.397.220	15.490.300.225
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	10.877.397.220	15.490.300.225
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		608.666.616.697	678.539.749.734

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tình hình thanh toán của NCS trong năm ổn định, duy trì mức tiền mặt phù hợp, đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh. Cân đối các khoản thu chi, căn cứ vào từng thời điểm, Công ty gửi các khoản tiền nhân rồi, tăng doanh thu hoạt động tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số nợ phải trả: 387.898.139.397 đồng. Đây là các khoản nợ chưa đến hạn phải trả, không có nợ phải trả quá hạn. Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 1,76. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 0,94.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: tình hình thanh toán của Công ty bình thường. Khoản chênh lệch tỷ giá hồi đoái không đáng kể và không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết về tình hình nợ phải trả của công ty được thể hiện tại bảng dưới đây:

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		387.898.139.397	448.208.096.182
I. Nợ ngắn hạn	310		120.927.035.358	213.275.169.601
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	44.437.343.249	57.246.620.334
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	1.656.633.527	2.612.331.073
3. Phải trả người lao động	314		29.100.670.472	34.637.163.663
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	601.832.958	95.968.231.308
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	x	92.018.182	717.677.342
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	41.307.500.000	15.662.195.105
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	3.731.036.970	6.430.950.776
II. Nợ dài hạn	330		266.971.104.039	234.932.926.581
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	266.971.104.039	234.932.926.581

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Áp dụng điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến tình hình thị trường; sắp xếp bố trí nhân lực hợp lý, tiết kiệm nguồn lực; kiểm soát chi phí sản xuất chặt chẽ thông qua định mức; chủ động thiết kế sản phẩm mới phù hợp với từng khách hàng, tập trung chào hàng, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; thường xuyên bám sát, theo dõi sát sao biến động giá cả của thị trường để kiểm soát chi phí đầu vào, đàm phán với nhà cung cấp nguyên vật liệu chính để kiểm soát tốt CPI chung.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Giữ và tăng thị phần thông qua chính sách chất lượng và giá cả phù hợp.
- Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm phục vụ các khách hàng có yêu cầu cao.
- Tăng cường phát triển sản phẩm nonairline để tăng doanh thu và tận dụng năng lực sản xuất của Công ty.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* không có.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty*

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...): tuân thủ nghiêm ngặt đối với các quy định về môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, các chế độ hiện hành theo qui định của Nhà nước được thực hiện đầy đủ. Công ty đã chi trả tiền lương, tiền thưởng đúng hạn. Các chế độ liên quan đến người lao động như: bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thân thể, đặc biệt là bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động được Công ty quan tâm thực hiện. Môi trường và các điều kiện làm việc được cải thiện và đảm bảo an toàn.

Công ty đã thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, thực hiện các chế độ trợ cấp cho người lao động đảm bảo đúng quy định về pháp luật lao động của Nhà nước và các quy chế của Công ty.

Thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động; tổ chức thăm quan du lịch cho người lao động đạt thành tích xuất sắc trong công tác trong và ngoài nước, tổ chức nghỉ mát cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Mặc dù điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, song, tập thể lãnh đạo và người lao động đã đồng lòng, quyết tâm vượt qua mọi thử thách. Với các biện pháp quản trị linh hoạt, thực hiện tốt chính sách tiết kiệm, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty linh hoạt, đạt kết quả tốt.

- Ban lãnh đạo đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- + Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hội đồng quản trị phê duyệt;
- + Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- + Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- + Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt,

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trước nhận định năm 2020 và giai đoạn tới vẫn còn nhiều khó khăn, với định hướng tiếp tục tập trung duy trì tăng trưởng bền vững, Hội đồng quản trị thống nhất tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- + Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để đưa ra các giải pháp, chỉ đạo kịp thời nhằm không ngừng nâng cao và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giữ khách hàng hiện có và tìm kiếm thêm khách hàng mới;
- + Tăng cường và nâng cao hệ thống quản trị, các chỉ số quản trị cho từng mảng công việc;
- + Thu hút lao động có chuyên môn, tay nghề cao, đặc biệt là đội ngũ đầu bếp.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Vui	Chủ tịch	0 %	Thành viên không điều hành
2	Trần Thanh Sơn	Thành viên	0 %	Thành viên điều hành
3	Đặng Ngọc Cương	Thành viên	0 %	Thành viên không điều hành
4	Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	0 %	Thành viên không điều hành
5	Võ Đức Hiếu	Thành viên	0 %	Thành viên điều hành (bổ nhiệm ngày 25/4/2019)
6	Ông Vũ Thành Đạt	Thành viên	0%	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 25/4/2019)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2019, sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế toàn cầu đã tác động tốt đến thị trường vận tải Hàng không. Cùng với việc áp dụng các chính sách phù hợp, Công ty đã hoàn thành kế hoạch được giao.

Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã thể hiện quyết tâm cao trong việc chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao.

Hội đồng quản trị Công ty đã duy trì hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với số lượng thành viên là 05 người, Hội đồng quản trị đã họp 11 phiên (bao gồm cả các phiên họp dưới hình thức xin ý kiến thành viên bằng văn bản), trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019; tổ chức thanh quyết toán Dự án đầu tư

xây dựng cơ sở chế biến suất ăn mới; thực hiện công tác nhân sự, tiền lương và thi đua khen thưởng; chỉ đạo sát sao công tác đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường; giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Những nỗ lực trong hoạt động quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận, được thể hiện trên một số chỉ tiêu sau: Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25/4/2019)	0%
2	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 25/4/2019) Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/4/2019)	0%
3	Vũ Mạnh Phú	Thành viên	0%
4	Ông Đinh Hồng Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/4/2019)	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2019, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành họp 08 phiên và tổ chức kiểm tra, kiểm soát tại doanh nghiệp 02 lần, nội dung các công việc gồm:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính;
- Thực hiện thẩm định Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính;

- Xem xét việc chỉ định Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2019;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, đầu tư, lao động tiền lương năm 2019; Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và các quy chế, quy định nội bộ;
- Xem xét các tài liệu họp Hội đồng quản trị, báo cáo nội bộ của Ban Điều hành theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 đã giúp cho Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực kinh doanh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 được trả theo mức được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể mức thù lao đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị là 7.600.000 đồng/tháng; thành viên HĐQT/Trưởng Ban kiểm soát là 6.400.000 đồng/tháng và thành viên Ban kiểm soát là 5.400.000 đồng/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: giao dịch theo đúng tỷ lệ được chia cho cổ đông hiện hữu trong năm 2019.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy hiện tại đang đáp ứng được nhu cầu quản trị, điều hành của Ban Giám đốc và đảm bảo hiệu quả của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm báo cáo này. *mlu*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Thanh Sơn